

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày: 07-5-2024

“V/v tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thả;
- Bà Thị Amina.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 601/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số B, N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Lê Ngọc T – Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Đức T1 – Nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/12/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Trần Đức T1 trình bày:

Ngày 28/3/2018, anh K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (từ đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 với hạn mức 40.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng anh K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 240.000.000 đồng, lãi được tính trên từng giao dịch theo quy định tại Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; anh K phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt anh K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 201.100.000 đồng, đến nay anh K còn nợ lại 45.206.462 đồng tiền gốc. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh K không có thiện chí trả nợ nên toàn bộ số tiền gốc này được chuyển thành nợ quá hạn và tính đến ngày 26/3/2024 anh K nợ Ngân hàng 1.907 ngày lãi quá hạn với số tiền là 92.674.479 đồng. Tổng cộng, tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024 anh K còn nợ là 137.880.941 đồng.

Nay ông đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024 là 137.880.941 đồng; yêu cầu tính lãi từ ngày 27/3/2024 cho đến khi tất nợ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 đã ký kết ngày 02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh **K**. Buộc anh **K** có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng 137.880.941 đồng tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024; tiền lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 đã ký kết ngày 02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 27/3/2024 cho đến khi tất nợ.

+ Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** là Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông **Lê Ngọc T** đại diện. Ông **Lê Ngọc T** vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông **Trần Đức T1** đại diện. Ông **Trần Đức T1** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh **Nguyễn Hoàng K** là Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà **D**, ông **T**, ông **T1**, anh **K**.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, ông **T1** đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh **K** trả lại cho Ngân hàng 137.880.941 đồng tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024; tiền lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 ngày 02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 27/3/2024 cho đến khi tất nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 ngày 02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do Ngân hàng cung cấp có đủ căn cứ xác định anh **K** có ký kết với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng trên là có thật. Anh **K** đã được cấp Thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng; đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 240.000.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 201.100.000 đồng, đến nay anh **K** còn nợ lại 45.206.462 đồng tiền gốc là có thật. Căn cứ vào Bản Tóm tắt sao kê ngày 26/3/2024 của Ngân hàng cung cấp cũng đã có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 26/3/2024 anh **K** nợ Ngân hàng 1.907 ngày lãi quá hạn với số tiền là 92.674.479 đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh **K** đều vắng mặt nên không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu cầu anh **K** trả lại cho Ngân hàng 137.880.941 đồng tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024; tiền lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 ngày

02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 27/3/2024 cho đến khi tất nợ là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh **K** phải chịu 6.894.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S** đối với anh **Nguyễn Hoàng K** về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc anh **Nguyễn Hoàng K** có nghĩa vụ trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** 45.206.462 (bốn mươi lăm triệu hai trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng tiền gốc, 92.674.479 (chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng tiền lãi tính đến ngày 26/3/2024, tổng cộng là 137.880.941 (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 01.04.18 ngày 02/4/2018 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính từ ngày 27/3/2024 cho đến khi tất nợ.

2. Về án phí:

- Anh **Nguyễn Hoàng K** phải chịu 6.894.000 (sáu triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- **Ngân hàng thương mại cổ phần S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** 2.799.468 (hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0037018 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho Ngân hàng, anh **K** biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**